

BÀI 22 遅(おそ)くなりました
OSOKU NARIMASHITA

アンナ Anna	お母(かあ)さん、ごめんなさい。遅(おそ)くなりました。 OKÂSAN, GOMENNASAI. OSOKU NARIMASHITA.	Mẹ ơi, con xin lỗi. Con đã về muộn.
寮母(りょうぼ) Người quản lí kí túc xá	アンナさん、10分(じっぷん)も遅刻(ちこく)です。約束(やくそく)を破(やぶ)ってはいけません。 ANNA-SAN, JIPPUN MO CHIKOKU DESU. YAKUSOKU O YABUTTE WA IKEMASEN.	Anna này, con về muộn những 10 phút. Thất hứa là không được!
アンナ Anna	すみません。気(き)をつけます。 SUMIMASEN. KI O TSUKEMASU.	Con xin lỗi. Con sẽ chú ý hơn.



Mẫu ngữ pháp

① Cách đổi tính từ sang phó từ

◈ Tính từ đuôi I: Đổi đuôi I thành KU.

OSOI (muộn) ⇒ OSOKU　　Ví dụ: OSOKU NARIMASHITA (đã về muộn)

◈ Tính từ đuôi NA: Thêm NI vào sau từ đó.

JÔZU (giỏi) ⇒ JÔZUNI　　Ví dụ: JÔZUNI NARIMASHITA (đã trở nên giỏi)

② FUN/PUN : Phút

NIFUN (2 phút), JIPPUN/JUPPUN (10 phút)　　☞ *Các từ để đếm : Xem trang 53*

③ Động từ thể TE + WA IKEMASEN

◈ Động từ thể TE thêm WA IKEMASEN nghĩa là không được làm việc gì.

Ví dụ: YAKUSOKU O YABUTTE WA IKEMASEN. (Không được thất hứa.)



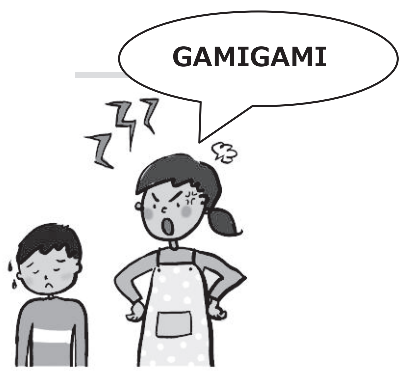
Từ tượng thanh và tượng hình



Từ miêu tả ai đó đang giận sôi lên



Từ miêu tả vẻ mặt giận dỗi



Từ miêu tả hành động rầy la, càu nhàu, hay quát mắng một ai đó